

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 04 - 4 - 2023  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bùi Thị Dậu.  
**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Đỗ Trí Thuyết.  
2. Ông Siu Tơ Lul.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Tào Thị Mỹ Huệ, thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Diệu T, sinh năm 1993. Vắng mặt.  
HKTT: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.  
Nơi ở hiện nay: Ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Bị đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1987. **Vắng mặt.**  
Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T qua tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 22/6/2010. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Chị và anh T đã sống li thân gần 07 năm. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Trần Diệu V, sinh ngày 23/4/2011 và Lê Trần Văn Thiên Đ, sinh ngày 01/5/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

**Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai:**

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39 và khoản 4 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị Diệu T được ly hôn với anh Lê Văn T; Về con chung: giao cháu Lê Trần Diệu V, sinh ngày 23/4/2011 và Lê Trần Văn Thiên Đ, sinh ngày 01/5/2013 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Diệu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]. Về tố tụng: Ngày 21/11/2022, nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn anh Lê Văn T và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị Diệu T đúng quy định, anh Lê Văn T có nơi cư trú tại Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T có đơn xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Trần Thị Diệu T và anh Lê Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 22/6/2010. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy rằng: Qua lời trình bày của chị T thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do anh T không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị. Tuy nhiên, Việc anh T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh T là có thật, anh chị đã sống ly thân trong một thời gian rất dài mà không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diệu T, xử cho chị Trần Thị Diệu T được ly hôn với anh Lê Văn T.

**[3]. Về con chung:**

Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Trần Diệu V, sinh ngày 23/4/2011 và cháu Lê Trần Văn Thiên Đ, sinh ngày 01/5/2013. Khi ly hôn, chị T đề nghị giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Xét thấy, hai cháu V và Đ đều có nguyện vọng muốn được ở với ba là anh T. Kết quả xác minh tại nơi cư trú cho thấy từ trước đến nay hai cháu đều ở với anh T còn chị T nhiều năm nay đã không còn sinh sống tại địa phương, thỉnh thoảng mới về thăm các con chứ không phải là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu Đ. Vì vậy, dựa trên điều kiện hoàn cảnh hiện tại, nguyện vọng của đương sự và nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử giao cháu V và cháu Đ cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[4]. Về cấp dưỡng nuôi con:** Vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của các con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[5]. Về tài sản chung và nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Diệu T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 21, 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Diệu T được ly hôn với anh Lê Văn T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Lê Trần Diệu V, sinh ngày 23/4/2011 và Lê Trần Văn Thiên Đ, sinh ngày 01/5/2013 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về án phí: Buộc chị Trần Thị Diệu T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002778 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**4.** Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**5.** *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND xã B, H. M,  
T. BR-VT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Bùi Thị Dậu**